TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2018/DSST
Ngày: 28/8/2018
V/v: "*Tranh chấp di sản thừa kế*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà *Nguyễn Thị Tuyết Loan*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông *Huỳnh Việt Hưng*

2. Bà *Phạm Thị Thiện*

- Thư ký phiên tòa: Ông *Hồ Giúp Đở* – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Bích Trâm* – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc "*Tranh chấp di sản thừa kế*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 552/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2018/QĐDS-ST ngày 03/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc P**
Địa chỉ: 147/38D2 TVC, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.
Bà **Trần Thị Ngọc P**
Bà **Trần Thị Ngọc Đ**
Ông **Trần Ngọc K**
Cùng địa chỉ: 34 HC, khu vực 1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Ngọc K**.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K: Luật sư Mai Công Nh– Đoàn luật sư Tp. Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Ngọc Ph**
Địa chỉ: 34 HC, khu vực 1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của ông P, bà Đ, bà P, người bảo vệ cho ông K có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2017 các nguyên đơn trình bày: Cha mẹ nguyên đơn là ông Trần Ngọc Ph và bà Nguyễn Thị H có 05 người con bao gồm: Trần Ngọc P, Trần Thị Ngọc P, Trần Thị Ngọc Đ, Trần Ngọc K, Trần Thị Ngọc Ph.

Vào năm 1953 cha mẹ nguyên đơn có tạo lập được di sản là căn nhà và đất tại HC, khu vực 1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Đến năm 1993 thì mẹ qua đời, năm 1997 cha cũng qua đời nhưng không có di chúc.

Vào năm 2008 do Nhà nước quy hoạch phóng lộ HC và làm bờ XT, diện tích còn lại sau quy hoạch là 36m^2, gia đình có cất mới lại căn nhà cấp 4 và hiện nay do bà Trần Thị Ngọc Ph quản lý sử dụng.

Vào năm 2014 cả 05 anh em nguyên đơn có bàn với nhau cùng ra cơ quan có thẩm quyền để khai nhận di sản thừa kế đồng thời làm thủ tục hợp thức hóa quyền sử dụng đất ở và nhà ở theo quy định của pháp luật. Nhưng em gái nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc Ph không chịu ra ký đồng thời phản đối không cho làm thủ tục.

Đến ngày 06/12/2016 tại cuộc hòa giải khu vực, bà Trần Thị Ngọc Ph không đồng ý làm thủ tục chuyển nhượng và chia thừa kế mà tự ý bỏ về không ký biên bản. Vì hoàn cảnh 05 anh em kinh tế khó khăn, tài sản cha mẹ để lại căn nhà diện tích 36m^2 không thể sinh sống chung được. Do đó, nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Hiện tại giá trị nhà đất khoảng 350.000.000đồng, yêu cầu chia mỗi người hưởng 1/5 giá trị tài sản trên.

Vụ kiện được Toà án thụ lý theo luật định, quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyêt vụ án. Quá trình hòa giải nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý chia di sản thừa kế, bị đơn cho rằng đây là tài sản của cha mẹ để lại để làm nơi thờ cúng. Trong các anh em chỉ có ông K yêu cầu bán căn nhà để chia, còn lại các anh chị khác không ai đồng ý bán, các anh chị cũng muốn giữ căn nhà lại làm nơi thờ cúng. Trường hợp Tòa án chia di sản này thì bị đơn sẽ thối tiền lại cho ông K theo giá Nhà nước và giao nhiều lần, còn căn nhà phải giữ lại không được bán.

Do các bên đương sự không thỏa thuận được các vấn đề trong vụ kiện nên Tòa án căn cứ vào Điều 220 BLTTDS tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông K xác định ông và các nguyên đơn khác vẫn giữ nguyên yêu cầu chia di sản của ông Ph và bà H theo pháp luật. Đồng thời các nguyên đơn cũng đồng ý hoàn lại cho bà Ph 03 chỉ vàng 24K tương đương số tiền mà trước đây bà Ph bỏ ra để xây căn phòng cho gia đình bà về ở. Đối với yêu cầu của bà Ph giữ lại căn nhà và hoàn tiền nhiều lần lại cho các nguyên đơn ông K không đồng ý. Ông cho rằng bà Ph không có khả năng hoàn tiền một lần, trong khi ông và các nguyên đơn khác đang gặp khó khăn về kinh tế cũng như chổ ở. Ông chỉ yêu cầu chia di sản theo pháp luật để xác định để xác định kỷ phần của ông và các đồng thừa kế khác được hưởngcòn việc giữ lại hay bán căn nhà với giá như thế nào thì sau khi có bản án các anh chị em ông sẽ thỏa thuận nếu không thỏa thuận được sẽ đưa ra bán đấu giá và chia đều theo kỷ phần của mỗi người được nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đồng thời có kiến nghị để khắc phục vi phạm trong việc đưa vụ án ra xét xử vụ kiện đúng quy định. Về phần nội dung, đại diện Viện kiểm sát cho rằng quá trình giải quyết các bên đương sự đều thừa nhận di sản của ông Ph và bà H để lại chưa chia và vẫn còn

thời thời hiệu chia thừa kế nên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo các kỷ phần như nhau.

Về chi phí đo đạc, định giá và án phí dân sự sơ thẩm đề nghị xem xét theo quy định.

Ngoài ra đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc hoàn lại cho bị đơn 03 chỉ vàng 24k chi phí sửa chữa nhà.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự xác định nguyên đơn có yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà và đất tại 34 HC, khu vực 1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ đối với bị đơn. Do đó, phát sinh tranh chấp di sản thừa kế. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo qui định Điều 26, Điều 35, Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện theo khoản 1 Điều 623 BLDS năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là 30 năm đối với bất động sản tính từ ngày mở thừa kế. Theo hồ sơ thể hiện thì ông Trần Ngọc Ph mất năm 1997, bà Nguyễn Thị H mất năm 1993, tính đến thời điểm khởi kiện yêu cầu chia di sản là ngày 04/7/2017 nên thời hiệu chia thừa kế vẫn còn.

Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật căn nhà và đất tọa lạc tại 34 HC, khu vực 1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử xét thấy, ông Trần Ngọc Ph và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng. Ông Ph chết năm 1997, bà H chết năm 1993. Lúc sinh thời ông Ph và bà H có tạo lập được tài sản là căn nhà và đất tọa lạc tại 34 HC, khu vực 1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, căn nhà và đất này hiện tại chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà nhưng được chính quyền địa phương xác nhận nguồn gốc của ông Ph và bà H đã tạo lập và sử dụng từ năm 1953 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ kiện cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận căn nhà và đất nêu trên là di sản do ông Ph, bà H để lại và chưa chia. Do đó, xác định di sản của ông Ph, bà H là căn nhà và đất tọa lạc tại 34 HC, khu vực 1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Cả ông Ph và bà H chết đều không có di chúc để phân chia di sản nên di sản của ông bà sẽ được chia theo pháp luật. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ph và bà H theo pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Xét về hàng thừa kế: Ông Ph và bà H có tất cả là 05 người con Trần Ngọc P, Trần Thị Ngọc P, Trần Thị Ngọc Đ, Trần Ngọc K và Trần Thị Ngọc Ph, tại thời điểm mở thừa kế cả cha, mẹ của ông Ph, bà H đều không còn nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là 05 người con của ông Ph và bà H. Như vậy, di sản của ông Ph và bà H sẽ được chia thành 05 kỷ phần, mỗi người con sẽ được hưởng 1/5 kỷ phần như nhau.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cho rằng căn nhà và đất của ông Ph và bà H để lại có diện tích khoảng 35m2, tuy nhiên căn cứ vào bản trích đo địa chính ngày

25/12/2017 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thì đất thực tế chỉ có diện tích là 29,8m^2. Tại phiên tòa nguyên đơn cũng thừa nhận diện tích đất theo bản trích đo địa chính là đúng với hiện trạng hiện tại. Do đó, đây là căn cứ để xác định diện tích thực tế phần di sản để chia thừa kế.

Căn cứ vào công văn số 257/PTCKH ngày 09/3/2018 của Phòng TCKH quận Ninh Kiều thì giá trị phần di sản để lại cụ thể như sau :

- Phần nhà có giá trị phần xây dựng là 112.069.412đồng;
- Phần đất : 29.8m2 x 16.000.000 = 476.800.000đồng.

Như vậy, tổng giá trị nhà và đất là 476.800.000 + 112.069.412 = 588.869.412đồng.

Trong quá trình giải quyết, ông K có yêu cầu bán căn nhà để chia đều cho các anh, chị, em. Bà Ph cho rằng, bà đồng ý chia di sản nhưng vì đây là căn nhà để thờ cúng ông bà, nếu bán rồi thì không còn nơi để thờ cúng nên bà không đồng ý bán. Trường hợp phải chia di sản bà đề nghị được giữ lại căn nhà và có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền tương đương giá trị từng kỹ phần cho mỗi người. Tuy nhiên, hiện tại bà có khó khăn về kinh tế nên việc hoàn tiền bà sẽ được thực hiện bằng cách cho thuê nhà và lấy tiền cho thuê trả dần lại cho các đồng thừa kế khác. Hiện tại căn nhà và đất do bà Ph đang quản lý. Ông K và các nguyên đơn khác không đồng ý với đề nghị của bà Ph mà chỉ yêu cầu chia thừa kế để xác định kỷ phần của mỗi người được hưởng. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ kiện các bên đương sự đều cho rằng bản thân có hoàn cảnh khó khăn không đủ khả năng hoàn tiền lại 01 lần cho các đồng thừa kế khác. Ngoài ra, nguyên đơn chỉ yêu cầu xác định kỷ phần thừa kế không yêu cầu chia cụ thể nên để tạo điều kiện cho các đồng thừa kế có sự thỏa thuận và thống nhất trong việc phân chia di sản nên chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông K thừa nhận khi bà Ph về căn nhà 34 Huỳnh cương sống có bỏ tiền ra để xây căn phòng cho vợ chồng bà ở nhưng số tiền không đến 06 chỉ vàng như bà Ph trình bày, vì ông là thợ xây dựng, lúc đó chính ông là người trực tiếp xây dựng, sửa chữa căn phòng cho bà Ph nên ông biết được chi phí khoảng 03 chỉ vàng 24K. Do đó ông và các nguyên đơn khác chỉ đồng ý hoàn lại cho bà Ph 03 chỉ vàng 24K . Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bà Ph có yêu cầu nhưng bà không có chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông K và các nguyên đơn khác đồng ý hoàn lại cho bà Ph 03 chỉ vàng 24K, xét đây là sự tự nguyện của các nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về chi phí đo đạc, định giá: 2.000.000đồng. Ông P, bà P, bà Đ, ông K, bà Ph mỗi người phải chịu là 400.000đồng. Ông K đã nộp tạm ứng số tiền là 3.000.000đồng nên ông P, bà Đ, bà P, bà Ph có trách nhiệm hoàn lại cho ông K mỗi người 400.000đồng. Tiền tạm ứng chi phí đo đạc, định giá còn dư 1.000.000đồng, ông K đã nhận lại xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông P, bà P, bà Đ, ông K, bà Ph mỗi người phải chịu đối với phần di sản mình được nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 147 và Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 609, 649, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Trần Ngọc P, Trần Thị Ngọc P, Trần Thị Ngọc Đ, Trần Ngọc K về việc chia di sản của ông Trần Ngọc Ph và bà Nguyễn Thị H theo pháp luật.

- Xác định di sản của ông Ph và bà H là căn nhà và đất tọa lạc tại 34 HC, khu vực 1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (bản trích đo địa chính ngày 25/12/2017 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường) và được chia thành 05 kỹ phần bằng nhau.

- Ông Trần Ngọc P, bà Trần Thị Ngọc P, bà Trần Thị Ngọc Đ, ông Trần Ngọc K, bà Trần Thị Ngọc Ph mỗi người được hưởng 1/5 kỷ phần di sản của ông Ph và bà H để lại. Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục hợp thức hóa quyền sỡ hữu đối với phần di sản mình được nhận.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Phúc, bà P, bà Đ và ông K hoàn lại cho bà Trần Thị Ngọc Ph 03 chỉ vàng 24K chi phí sửa chữa căn phòng của bà Ph.

- Về chi phí đo đạc, định giá: 2.000.000đồng. Ông P, bà P, bà Đ, ông K, bà Ph mỗi người phải chịu là 400.000đồng. Ông K đã nộp tạm ứng số tiền là 3.000.000đồng nên ông P, bà Đ, bà P, bà Ph có trách nhiệm hoàn lại cho ông K mỗi người 400.000đồng. Tiền tạm ứng chi phí đo đạc, định giá còn dư 1.000.000đồng, ông K đã nhận lại xong

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc P, bà Trần Thị Ngọc P, bà Trần Thị Ngọc Đ, ông Trần Ngọc K, mỗi người phải chịu là 2.944.000đồng (được xét giảm theo đơn). Ông P, bà P, bà Đ, ông K mỗi người được khấu trừ 875.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp thành án phí theo các biên lai thu số 003798 ngày 05/5/2017, 003799 ngày 05/5/2017, 003801 ngày 05/5/2017, 003800 ngày 05/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều. Ông P, bà P, bà Đ, ông K mỗi người phải nộp thêm là 2.069.000đồng. Bà Trần Thị Ngọc Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.888.700đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và thời hiệu Thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉ XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- THA Q. Ninh Kiều;

Nguyễn Thị Tuyết Loan